

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Sơn Thị Nhân;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Bình

Ông Trần Quang Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Phùng Thế Thành - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu: T 33, c 5, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: K 6, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1988; nơi cư trú: T 33, c 5, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Ngày 20 tháng 7 năm 2010 chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, trên cơ sở tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như cách sống dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai bên gia đình khuyên can, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng hiện sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm ai, bản thân chị T không còn tình cảm gì với anh L.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Văn L có một con chung: Phạm Tuấn H, sinh ngày 18/02/2011, hiện cháu H ở cùng với chị T.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Huyền T xin ly hôn anh Phạm Văn L;

Chị Nguyễn Thị Huyền T nhận nuôi con chung Phạm Tuấn H cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung

Chị T không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo theo trình tự tố tụng, nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Phạm Văn L; về con chung: Giao con chung là Phạm Tuấn H, sinh ngày 18/02/2011 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L; về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết; chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền: Bị đơn, anh Phạm Văn L hiện cư trú tại: T 33, c 5, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử song anh L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Phạm Văn L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn năm 2010, tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Huyền T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như cách sống dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng hiện sống ly thân từ năm 2015

cho đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm ai, bản thân chị T không còn tình cảm gì với anh L. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không quan tâm đến gia đình vợ, con, vợ chồng thường đánh cãi chửi nhau, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Gia đình và địa phương đã nhiều lần hoà giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Quá trình Toà án giải quyết vụ án và tại phiên toà chị T yêu cầu Toà án cho ly hôn giữa chị với anh L là phù hợp với lời trình bày của chị T và các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T đối với anh Phạm Văn L, được quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Văn L có một con chung: Phạm Tuấn H, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011, hiện cháu H ở cùng với chị T, nguyện vọng của chị T nhận nuôi con là phù hợp pháp luật cần chấp nhận. Giao con chung Phạm Tuấn H cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình,

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn L hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở được quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

- Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Văn L.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Tuấn H, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn L hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003348 ngày 04 tháng 5 năm 2017, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Huyền T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường N, Kiến An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Sơn Thị Nhân

